

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST

Ngày 04 -7- 2019

*V/v: Tr/c Hợp đồng chuyển nhượng vốn
góp và tranh chấp thành viên công ty*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mãi
2. Bà Lương Thị Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Duy Trung - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Trong các ngày 28 tháng 06 năm 2019 và ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại phòng xét xử D - Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/TLST-KDTM ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp và tranh chấp thành viên công ty*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST ngày 02 tháng 01 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐ-ST ngày 21/01/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐ-ST ngày 21/02/2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 27/02/2019, Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 27/3/2019, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 27/5/2019, Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2019/TB-TA ngày 04 tháng 6 năm 2019 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 08/2019/TB-TA ngày 13 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh Đ**, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ 4, ấp H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Chị **Lỗ Thị D**, sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ 4, ấp H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. Theo giấy ủy quyền số công chứng 00006794 quyền số 01/TP/CC-SCC ngày 12 tháng 7 năm 2018. (Có mặt)

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Cầu đường SM. Địa chỉ trụ sở chính: Số 35, Tổ 4, khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo pháp luật: Anh Phạm Thế H, sinh năm 1975. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Hữu T, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 23 đường Đ, phường Đ. Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Theo giấy ủy quyền ngày 03 tháng 12 năm 2018. (Có mặt)

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Nguyễn Thị Ngân T**, sinh năm 1984, địa chỉ: Tổ 4, khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

2. Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Trần Hữu T**, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 2,3 đường Đ, phường Đ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Theo giấy ủy quyền số 0048 ngày 03 tháng 01 năm 2019. (Có mặt)

3. Chị **Võ Thị T**, sinh năm 1984, địa chỉ: Tổ 4, ấp H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Trần Chí N**, sinh năm 1994, địa chỉ: Số 37, đường T, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy ủy quyền số 00009844 ngày 29 tháng 11 năm 2018. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do anh Đ là anh ruột của chị Nguyễn Thị Ngân T nên đầu năm 2014, vợ chồng anh Phạm Thế H, chị Nguyễn Thị Ngân T có kế hoạch mở Công ty. Biết được vợ chồng anh Đ, chị T có nguồn tiền nhàn rỗi nên thuyết phục góp vốn thành lập Công ty với số vốn 3 tỷ đồng, anh Đ góp 1 tỷ đồng, anh H góp 2 tỷ đồng, lợi nhuận chia theo tỷ lệ góp vốn, trong ba năm thu hồi lại vốn, mọi hoạt động của Công ty do vợ chồng anh H quản lý điều hành, thủ tục thành lập Công ty do anh H chịu trách nhiệm, anh Đ chỉ cần đưa chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu, sau khi thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Cầu đường SM (viết tắt là Công ty SM), anh H là người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch thành viên kiêm Giám đốc công ty. Vợ chồng anh H, chị Nguyễn Thị Ngân T có đưa cho anh Đ, chị T xem Giấy chứng nhận thành lập Công ty đề ngày 31 tháng 3 năm 2014 và danh sách thành viên góp vốn nên buộc anh Đ phải làm giấy cam kết góp vốn, ngày 10/4/2014 anh Đ đã làm giấy giao tiền cho chị Nguyễn Thị Ngân T là kế toán Công ty SM và được chị Nguyễn Thị Ngân T chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty tại Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện C.

Anh Đ cho rằng từ khi góp vốn đến nay, vợ chồng anh H, chị Nguyễn Thị Ngân T lấy lý do hoạt động kinh doanh chưa ổn định, còn cần nhiều vốn để mở rộng kinh doanh nên chưa thể phân chia lợi nhuận, nên anh Đ tạo điều kiện cho

anh H làm ăn kinh doanh. Tuy nhiên, vừa qua anh Đ bất ngờ được biết vợ chồng anh H thực hiện thủ tục ly hôn, phân chia tài sản chung trong Công ty SM nhưng không thông báo gì cho anh Đ biết, đồng thời anh Đ cũng phát hiện anh H làm không thủ tục hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp của anh Đ, đưa anh Đ ra khỏi danh sách thành viên góp vốn của Công ty SM, nhằm chiếm đoạt khoản tiền góp vốn của anh Đ. Sự việc này anh Đ cũng liên hệ với Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước để trình báo sự việc và được cơ quan này hướng dẫn làm thủ tục khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết:

Anh Đ yêu cầu Tòa án buộc Công ty SM trả lại số tiền 1 tỷ đồng, thanh toán một lần ngay sau khi Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật. Công ty SM thực chất do vợ chồng anh H, chị Nguyễn Thị Ngân T nắm giữ, quản lý nên Công ty SM phải có trách nhiệm trả cho anh Đ số tiền nêu trên trước khi vợ chồng anh H, chị Nguyễn Thị Ngân T ly hôn phân chia tài sản.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện và tại biên bản làm việc cùng ngày 05/4/2019 (BL288) nguyên đơn khẳng định xin rút lại yêu cầu khởi kiện ban đầu, ngày 12/7/2018 không yêu cầu Công ty SM trả lại số tiền 01 tỷ mà đề nghị: Hủy hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp đề ngày 17/02/2017 giữa anh Đ và anh H và hủy Giấy chứng nhận đăng ký (viết tắt GCNĐK) Doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3801072185 đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 21 tháng 02 năm 2017 và Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM, có tên thành viên ông Trần Văn H. Khôi phục lại tư cách thành viên của anh Đ trong Công ty SM.

Ý kiến của Công ty SM do người đại diện theo pháp luật anh Phạm Thế H trình bày:

Ngày 31 tháng 3 năm 2014 Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng cầu đường SM (viết tắt là Công ty SM) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3801072185, trụ sở Công ty đặt tại: Số 35, Tổ 4, khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước, vốn điều lệ 03 tỷ đồng, khi lập hồ sơ đăng ký kinh doanh tại cơ quan có thẩm quyền, Công ty SM đăng ký danh sách thành viên góp vốn gồm có anh Phạm Thế H, sinh năm 1975, địa chỉ: Số 35, Tổ 4, khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước và anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ 4, ấp H, thị trấn C, tỉnh Bình Phước. Anh H là người đại diện theo pháp luật – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty.

Về quan hệ anh Đ là anh vợ của anh H, khi thành lập Công ty TNHH hai thành viên anh H tìm đối tác góp vốn và có hỏi mượn tên, giấy chứng minh nhân dân của anh Đ nhằm hoàn thiện hồ sơ theo quy định của pháp luật, anh Đ đồng ý cho anh H mượn giấy tờ để hoàn thiện thủ tục thành lập Công ty, quá trình lập hồ sơ và tiến hành thành lập doanh nghiệp thì các thủ tục, giấy tờ, chữ ký đều do anh H tự làm ký thay cho anh Đ, anh H cho rằng toàn bộ vốn khi thành lập và hoạt động đều do Công ty vay. Đến năm 2017 mới tìm được đối tác góp vốn là anh Trần Văn H sinh năm 1975, nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, anh Trần Văn H đồng ý góp vốn vào Công ty SM và Công ty SM thỏa

thuận tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng, anh Trần Văn H cam kết góp vốn 3 tỷ đồng và trở thành thành viên chính thức của Công ty SM theo GCNĐK thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 4 năm 2017, khi anh H cam kết góp vốn thì việc nhờ tên anh Đ không cần thiết nữa, vì vậy ngày 17/2/2017 anh H đã làm hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp của anh Đ sang cho anh Trần Văn H. Anh Đ khởi kiện và cho rằng Công ty SM đã làm hợp đồng và giả mạo chữ ký của anh Đ để chuyển nhượng phần vốn góp thì Công ty SM thừa nhận hợp đồng ngày 17/2/2017 là hợp đồng không có thật, do Công ty SM làm không, chỉ là biên bản hợp thức hóa việc góp vốn của anh Trần Văn H và thủ tục xin thay đổi GCNĐK, chứ anh Đ không có góp vốn, không có vốn trong Công ty SM, sau khi Công ty SM được cấp GCNĐK lần 2 thì đến ngày 26/6/2017 anh Trần Văn H đã góp đủ 3 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 33,3% vốn điều lệ, Công ty SM đã cấp giấy chứng nhận vốn góp cho anh Trần Văn H.

Về khởi kiện của anh Đ thì Công ty SM khẳng định anh Đ không phải là thành viên Công ty, anh Đ không góp vốn 1 tỷ đồng như anh Đ trình bày, Công ty SM chưa nhận bất kỳ một khoản tiền nào của anh Đ. Anh Đ cho rằng bà Nguyễn Thị Ngân T phụ trách kế toán là vợ anh H thời điểm đó có nhận 1 tỷ đồng hay không thì Công ty SM không biết, đó là việc cá nhân, theo pháp luật thì người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty kiêm Giám đốc công ty SM là người có thẩm quyền xác nhận số vốn góp của thành viên Công ty đã góp theo cam kết và Công ty sẽ cấp Giấy chứng nhận góp vốn cho thành viên theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Luật doanh nghiệp năm 2005, từ trước và sau ngày 21/4/2017, ngày Công ty SM ký thay đổi GCNĐK lần 2, Công ty SM không nhận bất cứ số tiền nào của anh Đ, cũng không ủy quyền cho bất cứ ai nhận tiền góp vốn của anh Đ, việc chị Nguyễn Thị Ngân T viết giấy nhận tiền góp vốn ngày 10/4/2014 không liên quan đến Công ty SM, chị Nguyễn Thị Ngân T không phải người đại diện theo pháp luật và Công ty SM cũng không ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Ngân T thực hiện công việc nhận tiền góp vốn của ông Đ, Công ty SM cũng không nhận được bất cứ báo cáo nào của chị Nguyễn Thị Ngân T về việc nhận số tiền góp vốn của anh Đ, chị Nguyễn Thị Ngân T không có tư cách để nhận tiền góp vốn hoặc xác nhận việc góp vốn của một thành viên Công ty SM nên Công ty SM không có trách nhiệm phải chịu hậu quả đối với hành vi do chị Nguyễn Thị Ngân T thực hiện. Do đó, Công ty SM không chấp nhận yêu cầu của anh Đ đối với yêu cầu buộc Công ty SM trả lại số tiền 1 tỷ đồng.

Tại phiên tòa ngày 27/02/2019 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận ông Đ là thành viên Công ty, nhưng cho rằng việc đưa ông Đ vào thành viên Công ty SM chỉ là hình thức, chứ không có việc anh Đ góp vốn 01 tỷ đồng nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ buộc Công ty SM trả lại số tiền 1 tỷ đồng.

Ngày 05/4/2019 nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện buộc Công ty SM trả lại 01 tỷ đồng mà yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 17/2/2017, hủy Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3801072185 đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 21 tháng 02 năm 2017 và đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Công ty TNHH xây

dựng cầu đường SM, có tên thành viên anh Trần Văn H, khôi phục lại tư cách thành viên Công ty cho nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn chị T trình bày:

Chị và anh Đ là vợ chồng kết hôn năm 2005, quá trình chung sống vợ chồng tích góp được một khoản tiền và mẹ chồng chị là bà Võ Thị S cho một khoản tiền để làm ăn, sinh sống, tuy nhiên toàn bộ số tiền có được, vợ chồng dự định gửi tiết kiệm để lo cho con về sau nhưng vào năm 2014, vợ chồng H, Nguyễn Thị Ngân T có ý định thành lập Công ty, biết vợ chồng chị có nguồn tiền nhàn rỗi nên đã đề nghị cùng góp vốn, anh Đ đã đưa cho vợ chồng H, Nguyễn Thị Ngân T 01 tỷ đồng, đồng thời do tin tưởng là anh em trong nhà và thấy công việc làm ăn của vợ chồng H cũng khá, nên vợ chồng chị yên tâm có thêm khoản thu nhập lớn về sau. Thế nhưng vừa qua vợ chồng chị biết được thông tin vợ chồng H, Nguyễn Thị Ngân T đang thực hiện các thủ tục ly hôn, nhưng không ai chịu đứng ra trả khoản tiền trên, mà cứ đùn đẩy trách nhiệm cho nhau. Vì vậy, chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Đ đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngân T trình bày:

Chị và anh Phạm Thế H kết hôn năm 2002, năm 2014 sau khi học xong có chút kinh nghiệm làm ăn nên vợ chồng thành lập Công ty xây dựng cầu đường để thi công công trình, thấy chồng có ý chí làm ăn nên ra sức ủng hộ và dồn hết số tiền mẹ cho, cộng với số tiền vợ chồng tích góp được để đưa cho chồng làm ăn, kinh doanh. Tuy nhiên, do thiếu vốn nên vợ chồng chị đã thuyết phục vợ chồng anh trai Nguyễn Minh Đ cùng tham gia góp vốn để thành lập Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM, anh em thống nhất góp vốn theo tỷ lệ 1: 2 anh Đ sẽ góp vốn 01 tỷ đồng, khi nào việc kinh doanh thuận lợi thì sẽ chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn. Đúng theo thỏa thuận anh Đ đã giao 01 tỷ đồng vào ngày 10/4/2014, chị Nguyễn Thị Ngân T đã gửi số tiền này vào tài khoản của Công ty SM, đồng thời thực hiện ủy nhiệm chi để chuyển số tiền trên vào tài khoản cá nhân của anh H. Vì vậy, nay với yêu cầu khởi kiện của anh Đ thì chị Nguyễn Thị Ngân T có ý kiến: Số tiền anh Đ góp vốn vào Công ty SM đã được chuyển vào tài khoản của anh H và có giấy tờ chứng minh, nay anh Đ yêu cầu công nhận anh Đ là thành viên của Công ty và hủy hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp, hủy Giấy chứng nhận đăng ký của Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM, có tên thành viên ông Trần Văn H, chị không có ý kiến gì.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn H, anh T trình bày: Anh không đồng ý với các yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp; Hủy Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM; Hủy Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã thay đổi theo biên bản làm việc ngày 05 tháng 4 năm 2019 (BL228).

Ý kiến của người đại diện cho bị đơn Công ty SM và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngân T đồng quan điểm với ý kiến của nguyên đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã thay đổi theo biên bản làm việc ngày 05 tháng 4 năm 2019 (BL288) của nguyên đơn: Hủy hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 17/02/2017 giữa anh Nguyễn Minh Đ và anh Trần Văn H; Hủy Giấy chứng nhận đăng ký (viết tắt GCNĐK) Doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3801072185 đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 21 tháng 02 năm 2017 và Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM, có tên thành viên anh Trần Văn H. Khôi phục lại tư cách thành viên của anh Đ trong Công ty SM.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Xét đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2018 của nguyên đơn, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 05/4/2019 về việc buộc Công ty SM trả lại số tiền 01 tỷ đồng và đề nghị Tòa án: Hủy hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 17/02/2017 giữa anh Đ và anh H; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3801072185 đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 21 tháng 02 năm 2017 và Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM, có tên thành viên anh Trần Văn H; Khôi phục lại tư cách thành viên của anh Nguyễn Minh Đ trong Công ty SM, thấy rằng: Đây là tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp và thành viên công ty, căn cứ vào khoản 3 Điều 30, khoản 1 Điều 37; khoản 3 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án Kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty SM trả lại số tiền 01 tỷ đồng là tự nguyện nên cần áp dụng Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ về phần này.

[2] Qua xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 317 của Luật thương mại năm 2005, Điều 27 điều lệ Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM thì tranh chấp giữa các thành viên sáng lập trước hết được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải. Trường hợp vẫn không

thỏa thuận được với nhau thì sẽ được đưa ra Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, theo sự thừa nhận của đôi bên, thực tế trước khi khởi kiện nguyên đơn và bị đơn mặc dù đã nhiều lần gặp nhau để thương lượng hòa giải, tuy nhiên việc thương lượng hòa giải không thành nên không lập biên bản. Vì vậy các đương sự đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm tranh chấp tránh gây phiền hà mất thời gian cho đôi bên. Hơn nữa, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lỗ Thị D và người đại diện được ủy quyền của bị đơn là anh Trần Hữu T, đều xác nhận: Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải cũng như tạo điều kiện cho các bên có thêm thời gian để bàn bạc thương lượng nhưng vẫn không thống nhất được hướng giải quyết.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 184, 185 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh Đ còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Đối với sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia phiên tòa: Vụ án này Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ (lấy lời khai của các đương sự), nguyên đơn, bị đơn đã có ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền, những người này có mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo luật định.

[5] *Về nội dung tranh chấp:*

Tại phiên Tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận nội dung bên phía nguyên đơn đưa ra: Đó là, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên (mã số doanh nghiệp: 3801072185, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2014, anh Phạm Thế H - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty SM, anh Nguyễn Minh Đ là thành viên của Công ty SM. Mọi thủ tục xin cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu này do anh H thực hiện nhưng có sự đồng ý của anh Đ nên đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận anh Đ là thành viên Công ty SM. Như vậy, các nội dung trên được các đương sự thừa nhận, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án công nhận đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Xét yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 17/02/2017; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ: 1, ngày 21 tháng 02 năm 2017 và Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM, có tên thành viên anh Trần Văn H thấy rằng:

Theo lời trình bày của nguyên đơn: Ngày 17/02/2017, anh Đ không lập cũng như không ký kết bất kỳ hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp nào với anh Trần Hữu H. Lời trình bày này của anh Đ được chính phía bị đơn là Công ty SM do người đại diện theo pháp luật anh Phạm Thế H thừa nhận (BL59) : *“Công ty SM đã hợp thức hóa việc góp phần vốn số tiền 01 tỷ đồng của ông H thông qua giao dịch chuyển nhượng phần vốn góp ngày 17/02/2017 giữa ông Đ*

và ông H, chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 17/02/2017 không phải chữ ký của ông Đ, tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2018 ông Đ xác định Công ty SM làm không thủ tục chuyển nhượng vốn góp của ông Đ phía Công ty SM thừa nhận Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 17/02/2017 là hợp đồng không có thật, do Công ty SM làm không, đây chỉ là biên bản hợp thức hóa việc góp vốn của ông H và thủ tục để xin thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”. Lời trình bày này của bị đơn phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh H. Do vậy áp dụng các Điều 17, điểm a khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Khoản 19, khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 117, Điều 131, Điều 407 Bộ luật dân sự năm 2015 (thời điểm Công ty SM làm không hợp đồng chuyển nhượng vốn góp và đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1, lần 2). Tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 17/02/2017 giữa anh Nguyễn Minh Đ và anh Trần Hữu H.

Do Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 17/02/2017 giữa anh Đ và anh H bị hủy, nên cần hủy Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ: 1, ngày 21 tháng 02 năm 2017 và Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM, có tên thành viên ông Trần Văn H. Vì vậy yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ được chấp nhận.

Xét yêu cầu khôi phục lại tư cách thành viên Công ty cho anh Đ: Thấy rằng: Căn cứ Khoản 19, 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP quy định: “Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và hủy bỏ những thay đổi trong nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện trên cơ sở các thông tin giả mạo và khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất, đồng thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật”. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, mã số doanh nghiệp: 3801072185, đăng ký lần đầu: Ngày 31 tháng 3 năm 2014, tên công ty: Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM. Trong đó anh Phạm Thế H - Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty SM với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty SM, anh Nguyễn Minh Đ là thành viên của Công ty SM.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Chi phí giám định: 6.000.000 đồng, do Công ty SM yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký, độ tuổi màu mực. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty SM phải chịu chi phí này. Công ty SM đã thực hiện xong.

[7] Đối với yêu cầu đề nghị xem xét hành vi làm giả thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản của người khác của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (BL 230). Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã gửi Công văn và hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Phước để xem xét, đến nay chưa có kết quả nên Hội đồng xét xử tách ra khi có kết quả và yêu cầu khởi kiện của đương sự sẽ được giải quyết bằng một vụ việc khác.

[8] Án phí sơ thẩm: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không có giá ngạch là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty SM phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 30, khoản 1 Điều 37; khoản 3 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317 của Luật thương mại năm 2005; các Điều 17, điểm a khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Khoản 19, khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018; Khoản 1 Điều 117, Điều 131, Điều 407 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ về việc rút yêu cầu khởi kiện buộc Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM trả lại số tiền 01 tỷ đồng.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ. Tuyên xử:

Hủy Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 17/02/2017 giữa anh Nguyễn Minh Đ và anh Trần Hữu H.

Hủy Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3801072185, thay đổi lần thứ: 1, ngày 21 tháng 02 năm 2017 và Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM, có tên thành viên anh Trần Văn H.

Khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3801072185, đăng ký lần đầu: Ngày 31 tháng 3 năm 2014, tên Công ty: Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM. Trong đó anh Phạm Thế H - Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM, anh Nguyễn Minh Đ là thành viên của Công ty TNHH xây dựng cầu đường SM.

[3]. Về chi phí giám định và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Chi phí giám định: 6.000.000 đồng, Công ty TNHH Xây dựng Cầu Đường SM phải chịu. Số tiền này Công ty TNHH Xây dựng Cầu Đường SM đã thực hiện xong.

Ấn phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Xây dựng Cầu Đường SM phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ số tiền 21.000.000 (Hai mươi một triệu đồng) anh Đ đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 015128 ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

[4]. *Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh